

Số: 202 /BC-SVHTTDL

Nam Định, ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính Quý I, năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC năm 2022; Văn bản hướng dẫn số 321/SNV-TCBM ngày 23/02/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác CCHC định kỳ hàng năm; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) Quý I năm 2022, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch CCHC hàng năm của UBND tỉnh; Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Văn hóa và Thể thao đã xây dựng Kế hoạch số Kế hoạch số 1487/KH-SVHTTDL ngày 15/12/2021 về việc thực hiện Kế hoạch CCHC của Sở VHTTDL Nam Định năm 2022 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo) với các mục tiêu và yêu cầu tập trung đặc biệt vào nội dung: “Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính trên tất cả các mặt, trọng tâm là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo giảm thành phần hồ sơ, giảm thời gian xử lý, giảm chi phí thực hiện; tinh giản bộ máy biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, chất lượng dịch vụ công; lấy người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của tổ chức, công dân làm thước đo thành công của CCHC...”

Xác định rõ công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của Sở; nâng cao chất lượng, hiệu quả của cải cách hành chính để phục vụ mục tiêu phát triển của ngành góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đôn đốc triển khai có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính năm 2022; Gắn cải cách hành chính với nâng cao chất lượng quản trị hành chính công và cải thiện môi trường, đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hiện đại hóa hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển của ngành và đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

2. Công tác chỉ đạo điều hành

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên trong Quý I năm 2022, Sở VH TTDL đã Ban hành thường xuyên và kịp thời các Kế hoạch, văn bản về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính¹.

Sở VH TTDL đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Sở về công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tới toàn thể công chức, viên chức; Thường xuyên gắn công tác cải cách hành chính với các cuộc họp giao ban, sinh hoạt chuyên đề.. của cơ quan. Đồng thời, triển khai công tác thi đua khen thưởng gắn liền với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị; những sáng kiến hay, cách làm hay để thực hiện hiệu quả công tác Cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

Thường xuyên Kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính khi có sự thay đổi hay điều chỉnh về nhân sự các phòng, đơn vị, Kịp thời ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo để hoạt động có hiệu quả².

Định kỳ đánh giá tình hình hoạt động cải cách hành chính hàng quý, đề ra phương hướng hoạt động giai đoạn tiếp theo. Đôn đốc việc báo cáo kết quả cải cách hành chính và xác định những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính trong

¹Kế hoạch số 1487/KH-SVH TTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch CCHC của Sở VH TTDL Nam Định năm 2022 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo); Kế hoạch số 1488/KH-SVH TTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch thông tin tuyên truyền CCHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1094/KH-SVH TTDL ngày 29/9/2021 Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1490/KH-SVH TTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1489/KH-SVH TTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 53/KH-SVH TTDL ngày 17/01/2022 về việc Tổ chức đối thoại trực tiếp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022.

- Kế hoạch số 1247/KH-SVH TTDL ngày 01/11/2021 Kế hoạch Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022.
- Kế hoạch số 1512/KH-SVH TTDL ngày 22/12/2021 Kế hoạch áp dụng duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Sở VH TTDL;
- Kế hoạch số 1532/KH-SVH TTDL ngày 27/12/2021 Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2022.
- Kế hoạch số 1521/KH-SVH TTDL ngày 23/12/2021 Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của Sở VH TTDL;
- Kế hoạch số 1410/KH-SVH TTDL ngày 03/12/2021 về việc ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL.
- Kế hoạch số 1501/KH-SVH TTDL ngày 20/12/2021 Kế hoạch kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL.
- Kế hoạch số 166/KH-SVH TTDL ngày 28/02/2022 Kế hoạch công tác pháp chế năm 2022 của Sở VH TTDL

²Quyết định số 42/QĐ-SVH TTDL ngày 12/02/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 của Sở VH TTDL tỉnh Nam Định; Quyết định số 45/QĐ-SVH TTDL ngày 17/02/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Sở VH TTDL tỉnh Nam Định;

hàng quý tiếp theo.

3. Công tác Kiểm tra cải cách hành chính

Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc xây dựng, triển khai và thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhằm Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính.

Kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của các phòng, đơn vị thuộc Sở Kế hoạch số 1521/KH-SVHTTDL ngày 23/12/2021 Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của Sở VHTTDL (dự kiến kiểm tra vào Quý IV/2022 tại 6 phòng QLNN và đơn vị sự nghiệp trực thuộc). Thông qua công tác kiểm tra giúp Sở nắm bắt được tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính và quy chế dân chủ tại các phòng, đơn vị thuộc Sở; những khó khăn, vướng mắc qua đó có những giải pháp nhằm nâng cao công tác cải cách hành chính và quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Công tác thông tin tuyên truyền

Ngày 05/12/2021 Sở đã xây dựng Kế hoạch số 1488/KH-SVHTTDL về việc thông tin tuyên truyền CCHC năm 2022 với các nội dung chủ yếu: tuyên truyền các văn bản quy định về CCHC, tuyên truyền các nội dung cụ thể của CCHC, tuyên truyền bộ TTHC của Sở nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của công chức, viên chức về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao nhằm tập hợp và phát huy mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, góp phần tham gia giám sát quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Từ đó có thái độ tích cực, động cơ đúng đắn, hăng hái tham gia vào Chương trình cải cách hành chính của tỉnh nói chung và Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói riêng.

Quán triệt tới các phòng QLNN, các đơn vị sự nghiệp về tăng cường kỷ luật, kỷ cương công chức và đạo đức công vụ, đồng thời xây dựng chương trình công tác năm 2022 trong đó xác định công tác CCHC là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của hàng quý, 6 tháng và năm. Đảm bảo số lượng tin bài tuyên truyền về CCHC và các hoạt động của Ngành được đăng tải tại Cổng TTĐT của Sở.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Việc ban hành các Đề án, chính sách trên các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan:

Việc xây dựng các Đề án, chính sách đang được các phòng, đơn vị tiếp tục tham mưu. Đã hoàn thiện các Đề án sắp xếp kiện toàn các cơ quan, đơn vị theo

Nghị định đã trình Sở Nội vụ xem xét và UBND tỉnh phê duyệt³.

- *Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):*

Nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ việc tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản QPPL mới đảm bảo tính kịp thời, hợp pháp, đồng bộ, khả thi của hệ thống văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020. Trong Quý I/2022, Sở đã tổ chức triển khai nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình...;

- *Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:*

Công tác rà soát hệ thống VBQPPL được Sở thực hiện thường xuyên, chưa phát hiện văn bản nào trái luật, không đảm bảo quy định.

- *Việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành:*

Sở VH TTDL nghiêm túc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành. Giao Văn phòng Sở phối hợp với các phòng chuyên môn thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Sở đã chỉ đạo việc rà soát, bổ sung những thủ tục hành chính mới theo chỉ đạo của Bộ VH TTDL, bãi bỏ những bộ thủ tục không còn hiệu lực.

- *Tình hình thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; mức độ thực hiện kế hoạch và xử lý kết quả theo dõi tình hình thực thi pháp luật:*

Sở đã ban hành Kế hoạch số 1501/KH-SVH TTDL ngày 20/12/2021 về việc kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1410/KH-SVH TTDL ngày 03/12/2021 về việc ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL;

- *Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ cơ quan như:* Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế nâng

³Tờ trình số 185/TTr-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thư viện tỉnh Nam Định.

- Tờ trình số 186/TTr-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm Nam Định.

- Đề án số 187/ĐA-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc rà soát, sắp xếp kiện toàn Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh Nam Định theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP.

lượng trước thời hạn, Thông báo phân công công việc của lãnh đạo Sở⁴...;

2. Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Về rà soát, kiểm soát đánh giá thực hiện các quy định về TTHC

Sở đã chỉ đạo việc rà soát, bổ sung những thủ tục hành chính mới theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bãi bỏ những bộ thủ tục không còn hiệu lực; đồng thời, chỉ đạo các phòng quản lý nhà nước rà soát các thủ tục hành chính và thực hiện cắt giảm các bước tối thiểu hóa theo quy định; ngoài các thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền ban hành để giảm bớt phiền hà các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực ngành phụ trách, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không thực hiện việc ban hành thêm các thủ tục hành chính nào khác.

b) Về công khai thủ tục hành chính

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thực hiện 141 thủ tục hành chính trong đó có 126 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VH TTDL, 15 TTHC cấp tỉnh; 20 TTHC cấp huyện; 07 TTHC cấp xã do UBND tỉnh công bố được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở và trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định⁵.

Sở VH TTDL đã tiếp tục rà soát và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt công bố sửa đổi bổ sung các TTHC khi có Quyết định công bố của Bộ VH TTDL theo đúng thời gian và quy định⁶.

Tiếp tục thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ HCC xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh thực hiện nghiêm túc Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VH TTDL thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh đảm bảo 100% TTHC được thực hiện tại Trung tâm và có 130/141 (92,19%) số TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Kết quả: Tính từ 10/12/2021 đến 10/3/2022, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tiếp nhận 62 hồ sơ giải quyết TTHC, trong đó: 10 hồ sơ lĩnh vực du lịch, 0

⁴ Quyết định số 01/QĐ-SVH TTDL ngày 04/02/2022 về việc ban hành quy chế quản lý tài sản công của Sở VH TTDL năm 2022; Quyết định số 07/QĐ-SVH TTDL ngày 07/01/2022 Về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022.

⁵ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

⁶ Tờ trình số 1549/TTr - SVH TTDL ngày 30/12/2021 tờ trình về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở VH TTDL; Tờ trình số 01/TTr-SVH TTDL ngày 04/01/2022 về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VH TTDL, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

hồ sơ lĩnh vực TDDT, 02 hồ sơ lĩnh vực di sản; 50 hồ sơ lĩnh vực văn hoá. Đã giải quyết trước hạn, đúng hạn 62 (100%) hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

(Có biểu mẫu 6a kèm theo)

Biểu số 06a/VPCP/KSTT
Ban hành theo Thông tư số
02/2017/TT-VPCP ngày
31/10/2017

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC
TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC**
(Từ ngày 10/12/2021 đến ngày
08/03/2022)

Đơn vị báo cáo:
Sở VHTTDL
**Đơn vị nhận báo
cáo:** Văn phòng
UBND tỉnh

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp | Số hồ sơ nhận giải quyết | | | | Số hồ sơ đã giải quyết | | | | Số lượng hồ sơ đang giải quyết | | |
|-----|---|--------------------------|------------|------------------------------|-------------------|------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------------|-----------|---------|
| | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số | Trong đó | | Tù kỳ trước | Tổng số | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn |
| | | | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 1 | Lĩnh Vực Di sản | 2 | 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Lĩnh vực Du Lịch | 10 | 5 | 5 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lĩnh vực Gia đình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Lĩnh vực Nội vụ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Lĩnh vực Thanh tra | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Lĩnh vực Thể thao | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Lĩnh vực Văn hóa | 50 | 44 | 0 | 6 | 50 | 44 | 6 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp | Số hồ sơ nhận giải quyết | | | | Số hồ sơ đã giải quyết | | | | Số lượng hồ sơ đang giải quyết | | | |
|-----|---|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------------|-----------|---------|--|
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | Tổng số | Trong đó | | Từ kỳ trước | | | | | | | | |
| | | | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính | | | | | | | | | |
| | | Tổng số | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính | Từ kỳ trước | Tổng số | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | |
| -- | -Tổng- | 62 | 51 | 5 | 6 | 62 | 56 | 6 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

- Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích: 22/62 Tổng số hồ sơ nhận kết quả qua BCCI; 40 Hồ sơ nhận trực tuyến.

- Về khảo sát mức độ hài lòng của người dân:

Sở VHTTDL nhận được 62 phiếu đánh giá trực tuyến của tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch tại lĩnh vực của Sở. Tỷ lệ hài lòng đạt 100%; không có đánh giá không hài lòng hay chưa hài lòng.

c) Về tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết

Các thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về nội dung, hồ sơ, thời gian thực hiện đều được cắt giảm tối thiểu so với quy định. Hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: <https://pakn.dichvucong.gov.vn/> được công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ Doanh nghiệp tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở, trang dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định nên thuận tiện cho người dân, tổ chức đến liên hệ làm việc. Chỉ đạo bộ phận trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, cán bộ, công chức làm đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính tiếp nhận đầy đủ các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. 100% kết quả được trả trước hạn, đúng hạn, không để tồn đọng, quá thời gian quy định.

Đến thời điểm báo cáo chưa có trường hợp đơn thư khiếu nại, phản ánh về Cán bộ, công chức của Sở có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cải cách hành chính bộ máy nhà nước

- Việc rà soát và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức:

Trong Quý I, Sở VH TTDL đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng nhiệm vụ của Sở VH TTDL và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở⁷;

- Công tác quản lý và sử dụng biên chế:

Thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, bố trí cán bộ công chức viên chức hợp lý, phù hợp chuyên môn, góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của CBCVC; Thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ công chức, viên chức kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Sở đã hoàn thành việc Rà soát, sắp xếp kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Lộ trình tinh giản cấp phó là: Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh Nam Định; Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định; Bảo tàng tỉnh Nam Định đảm bảo thực hiện theo Kế hoạch số 73/KH-UBND của UBND tỉnh.

Số lượng Phòng quản lý nhà nước và các đơn vị trực thuộc Sở hiện có gồm: 9 phòng chuyên môn và 6 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, về số lượng cơ bản ổn định không có sự tăng giảm, qua rà soát không có sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Sở.

- Về phân cấp quản lý:

Thực hiện phân cấp quản lý về tổ chức và biên chế cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo đúng quy định của UBND tỉnh và quy định của pháp luật; Triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí cho công chức, viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ 10/09/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được Sở triển khai thực hiện đúng quy định.⁸

Thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý các di tích lịch sử và danh thắng về

⁷ Tờ trình số 184/TTr-SVHTTDL ngày 07/3/2022 về việc xin ý kiến vào các văn bản dự thảo quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH TTDL;

- Tờ trình số 185/TTr-SVHTTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thư viện tỉnh Nam Định.

- Tờ trình số 186/TTr-SVHTTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm Nam Định.

- Đề án số 187/ĐA-SVHTTDL ngày 07/3/2022 về việc rà soát, sắp xếp kiện toàn Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh Nam Định theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP

⁸ Công văn số 165/SVHTTDL-TCPC ngày 28/2/2022 về việc tổng hợp số lượng vị trí việc làm của Sở năm 2021;

cấp huyện đã phát huy tốt hiệu quả, giao trách nhiệm cho các phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện thẩm định các phòng hát kinh doanh karaoke trước khi trình Sở cấp phép đã tạo thuận lợi cho các tổ chức cá nhân xin giấy phép nhanh chóng.

Phối hợp với cấp huyện giải quyết các trường hợp phát sinh trong quản lý các di tích lịch sử, danh thắng trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng quy định.

- Về thực hiện Quy chế làm việc:

Chỉ đạo các phòng QLNN, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh và Quy chế làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh; Tổ chức rà soát, bổ xung, sửa đổi quy chế làm việc của cơ quan; Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Sở VH TTDL và 6 đơn vị trực thuộc Sở năm 2022 theo đúng quy định.

Sở đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp Sở VH TTDL năm 2022; Ban hành Quyết định số 489/QĐ-SVH TTDL ngày 28/12/2021 Quyết định về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức quản lý hành chính năm 2022 của Sở VH TTDL.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:

Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Sở đã hoàn chỉnh việc xây dựng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm và chờ UBND tỉnh phê duyệt⁹.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành. Trong đó, 9 phòng chuyên môn và 6 đơn vị trực thuộc thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch; Kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị;

⁹ Tờ trình số 184/TTr-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc xin ý kiến vào các văn bản dự thảo quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH TTDL;

- Tờ trình số 185/TTr-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thư viện tỉnh Nam Định.

- Tờ trình số 186/TTr-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm Nam Định.

- Đề án số 187/ĐA-SVH TTDL ngày 07/3/2022 về việc rà soát, sắp xếp kiện toàn Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh Nam Định theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP.

Tăng cường, chủ động giải quyết nhiệm vụ, công việc được giao, trong đó đã quy định cụ thể các nội dung cần phải thực hiện đối với các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở, kết quả của tiến độ, chất lượng của việc giải quyết công việc là cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; đánh giá phân loại công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng; điều động, luân chuyển biệt phái cán bộ hàng năm.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Sở đã Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, công chức của ngành năm 2022; Thường xuyên cử cán bộ công chức tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ theo lĩnh vực phòng và cán bộ được phân công phụ trách¹⁰.

Chỉ đạo phòng Tổ chức - Pháp chế phối hợp với các phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch luân chuyển vị trí công tác đối với các cán bộ thuộc diện luân chuyển đảm bảo theo quy định.¹¹

5. Cải cách tài chính công

Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hoạt động tại cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị trực thuộc) theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ:

- Trên cơ sở dự toán năm được giao, Sở đã thực hiện quản lý chi tiêu đúng chế độ và quy định của nhà nước có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. 6/6 đơn vị đã triển khai thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Việc chi trả lương qua tài khoản được thực hiện đúng quy định của nhà nước.

- Ban hành các quy chế, thực hiện báo cáo tài chính hàng năm theo quy định; tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung và thực hiện đúng Quy chế của cơ quan, Quy chế quản lý khai thác, sử dụng Trụ Sở, phân bổ chi phí sử dụng chung đối với các cơ quan, đơn vị hoạt động trong Trụ sở liên cơ quan Sở VH TTDL.

- Ngay trong Quý I, Sở VH TTDL đã thực hiện công khai sử dụng kinh phí, sử dụng tài sản cơ quan trên Cổng thông tin điện tử của Sở được thực hiện được thực hiện theo điểm b, khoản 1, điều 15 Luật ngân sách nhà nước. Sở đã tổ chức hội nghị cán bộ công nhân viên chức của cơ quan Văn phòng Sở và lấy ý kiến biểu quyết dân chủ thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan để ban hành

¹⁰Báo cáo số 15/KH-SVH TTDL ngày 10/01/2022 kết quả đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Sở VH TTDL;

¹¹ Kế hoạch số 192/KH-SVH TTDL ngày 08/3/2022 Kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức Sở VH TTDL năm 2022.

điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Sở đảm bảo kịp thời, đúng quy định¹².

- Chất lượng và hiệu quả công tác chuyên môn, nghiệp vụ đều đảm bảo về thời gian và quy trình theo yêu cầu và nhiệm vụ cấp trên giao.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội.

- Luôn chủ động trong việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật đối với nguồn kinh phí tự chủ.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát chi tiêu ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý về tài chính đã được ban hành như: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức kê khai tài sản thu nhập đối với các đối tượng cần kê khai, đồng thời tiến hành công khai các phương tiện thông tin theo quy định.

6. Hiện đại hóa hành chính, xây dựng và phát triển chính phủ điện tử

a. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

Sở đã ban hành Kế hoạch số 1247/KH-SVHTTDL ngày 01/11/2021 Kế hoạch phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022. Chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm qlvbsovhvttld.namdingh.gov.vn trong công việc được đảm bảo tất cả các văn bản đi và đến Sở VHTTDL (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; các hồ sơ công việc tại Sở

¹² Quyết định số 01/QĐ-SVHTTDL ngày 04/02/2022 về việc ban hành quy chế quản lý tài sản công của Sở VHTTDL tỉnh Nam Định năm 2022; Quyết định số 07/QĐ-SVHTTDL ngày 07/01/2022 Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022;

- Quyết định số 504/QĐ-SVHTTDL ngày 31/12/2021 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022;

- Quyết định số 02/QĐ -SVHTTDL về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước của Văn phòng Sở VHTTDL tỉnh Nam Định năm 2022.

- Công văn số 1536/SVHTTDL-KHTC ngày 28/12/2021 về việc dự kiến hiệp ý phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Báo cáo số 1485/BC-SVHTTDL ngày 15/12/2021 báo cáo thực hiện Nghị định số 120/2022/NĐ-CP; Công văn số 112/SVHTTDL-KHTC ngày 11/02/2022 về việc báo cáo số đơn vị sự nghiệp công lập hiện có số thu của đơn vị sự nghiệp công và quyết toán các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Công văn số 162/SVHTTDL-KHTC ngày 28/02/2022 phương án phân bổ, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Công văn số 163/SVHTTDL-KHTC ngày 28/02/2022 về việc thẩm định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Báo cáo số 153/BC-SVHTTDL ngày 24/02/2022 báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và các nội dung có liên quan.

được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm xử lý công việc có nội dung mật);

100% cán bộ, công chức, viên chức của Sở thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của Chính phủ, của tỉnh (...@namdinh.chinhphu.vn và ...@namdinh.gov.vn) sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng. Hàng quý, có sự điều chỉnh về nhân sự Sở đều đăng ký cấp mới chữ ký số cho cá nhân để sử dụng phục vụ trong công việc nhanh chóng, kịp thời.

Cổng Thông tin điện tử của Sở luôn thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời tin tức và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phục vụ cho việc khai thác thông tin của tổ chức cá nhân. Bổ sung một số trang thiết bị, điều kiện làm việc, tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc. Hệ thống kết nối được duy trì thường xuyên để tiếp nhận và xử lý kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

b. Việc triển khai dịch vụ công mức độ 4

Tiếp tục triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cho 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao, triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích...;

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 4 là $130/141 = 92,19\%$ TTHC.

Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến từ 10/12/2021 đến ngày 10/3/2022 là 57/62 hồ sơ (đạt 92%); 05/62 Hồ sơ qua bưu điện, không có hồ sơ nộp trực tiếp.

c. Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Sở đã thực hiện việc áp dụng duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đúng quy định¹³.

Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015.

7. Thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông

¹³ Kế hoạch số 1512/KH-SVHTTDL ngày 22/12/2021 Kế hoạch áp dụng duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Sở VHTTDL;
- Quyết định số 42/QĐ-SVHTTDL ngày 12/02/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 của Sở VHTTDL tỉnh Nam Định;

Quý I năm 2022, Sở VHTTDL tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định, Văn bản số 801/SVHTTDL-VP ngày 30/7/2021 về việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho công dân nhằm đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch covid - 19 tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, cắt giảm chi phí, thời gian đi lại nhận kết quả thủ tục hành chính; Cập nhật và bổ sung kịp thời các TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận thực hiện.

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm phục vụ hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định thực hiện Quy chế phối hợp theo quy định.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan là: 141/141 TTHC đạt 100%;

- Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: 49 hồ sơ

- Số TTHC được thực hiện qua Phần mềm Hệ thống một cửa (dichvucong.namdinh.gov.vn) là: 141/141 TTHC (đạt 100%);

- Kết quả giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa (số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết, số lượng hồ sơ trả trước hạn, đúng hạn, quá hạn): Số hồ sơ tiếp nhận từ 10/12/2021 đến 10/3/2022 là 62 Hồ sơ đã giải quyết 62 hồ sơ (đạt 100%); trước hạn và đúng hạn là 62 hồ sơ; trả quá hạn: 0; đang giải quyết: 0

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Thuận lợi

Công tác cải cách hành chính luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; được Đảng ủy, Ban giám đốc Sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh về CCHC. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai có trọng tâm, trọng điểm kế hoạch Cải cách hành chính của Sở. Các thủ tục hành chính được duy trì niêm yết công khai, minh bạch theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành được thực hiện nghiêm túc; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành được đẩy mạnh; đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 và thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống.

Hoạt động tiếp nhận và trả kết quả của cán bộ công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh thực hiện có hiệu quả, tạo điều kiện để giải quyết công việc của người dân

thuận lợi, nhanh chóng. Nâng cao được tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức. 100% Hồ sơ của công dân được giải quyết trước hạn đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn.

3.2. Khó khăn

- Nhiều TTHC được ban hành nhưng trong nhiều năm không có phát sinh hồ sơ nên có nhiều bất cập trong việc đánh giá tỷ lệ các hồ sơ có phát sinh tại Sở VH TTDL trong việc đánh giá kết quả CCHC.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Không

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CCHC THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai, thực hiện đạt kết quả các nhiệm vụ CCHC theo Kế hoạch 2022 đã đề ra.

2. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tiếp tục tham mưu xây dựng các VBQPPL thuộc lĩnh vực của ngành; Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các VBQPPL để kịp thời đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Thường xuyên rà soát, đánh giá các TTHC thuộc lĩnh vực của ngành để chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC.

4. Tăng cường thực hiện Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm soát TTHC và truyền thông kiểm soát TTHC, tập trung tuyên truyền vận động người dân và doanh nghiệp trong thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;

5. Tiếp tục triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, chỉ đạo điều hành của cơ quan, quản lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC; Xây dựng và thực hiện các quy trình nội bộ theo HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015, đảm bảo phủ kín các TTHC theo Quyết định số 19/2014/QĐ -TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện cải cách hành chính và giám sát việc thực hiện cải cách hành chính của cán bộ công chức trong quá trình giải quyết công việc.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt dịch vụ công, mức độ 3,4 đối với các TTHC lĩnh vực VH TTDL; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu công việc được giao

9. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các phòng, đơn vị thuộc Sở nhằm nâng cao kỷ luật hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, công chức trong cơ quan.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nam Định./.

(Gửi kèm theo các phụ lục phần II mục 1,2,3,4,5,6,7,8)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp; (để báo cáo)
- Sở Tài chính;
- Sở TTTT;
- Sở KH-CN;
- Sở KH-ĐT;
- Các Đ/c Phó Giám đốc;
- Các phòng QLNN;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÍ I NĂM 2022 CỦA SỞ VH TTDL
(Kèm theo Báo cáo số 202 /BC-SVHTTDL ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Sở VH TTDL)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----|---|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i> | Văn bản | 14 | <p>Kế hoạch số 1487/KH-SVHTTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch CCHC của Sở VH TTDL Nam Định năm 2022 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo); Kế hoạch số 1488/KH-SVHTTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch thông tin tuyên truyền CCHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1094/KH-SVHTTDL ngày 29/9/2021 Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1490/KH-SVHTTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 1489/KH-SVHTTDL ngày 15/12/2021 Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 của Sở VH TTDL; Kế hoạch số 53/KH-SVHTTDL ngày 17/01/2022 về việc Tổ chức đối thoại trực tiếp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022.</p> <p>- Kế hoạch số 1247/KH-SVHTTDL ngày 01/11/2021 Kế hoạch Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định năm 2022.</p> <p>- Kế hoạch số 1512/KH-SVHTTDL ngày 22/12/2021 Kế hoạch áp dụng duy trì, cải tiến hệ</p> |

| | | | | |
|-----------|--|-----------------|------------|--|
| | | | | <p>thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Sở VH TTDL;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch số 1532/KH-SVH TTDL ngày 27/12/2021 Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2022. - Kế hoạch số 1521/KH-SVH TTDL ngày 23/12/2021 Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của Sở VH TTDL; - Kế hoạch số 1410/KH-SVH TTDL ngày 03/12/2021 về việc ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL. - Kế hoạch số 1501/KH-SVH TTDL ngày 20/12/2021 Kế hoạch kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Sở VH TTDL. - Kế hoạch số 166/KH-SVH TTDL ngày 28/02/2022 Kế hoạch công tác pháp chế năm 2022 của Sở VH TTDL. -Kế hoạch số 192/KH-SVH TTDL ngày 08/3/2022 Kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức Sở VH TTDL năm 2022. |
| 2. | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | % | 25% | |
| 2.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 7 | |
| 2.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 2 | |
| 3. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 3.1. | Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | <p>Kế hoạch số 1521/KH-SVH TTDL ngày 23/12/2021 Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của Sở VH TTDL (dự kiến kiểm tra teong Quý IV/2022 tại 6 phòng ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảm bảo trên 30%)</p> |
| 3.2. | Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 3.3. | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | | |
| 3.3.1. | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | | |

| | | | | |
|--------|--|---|-------|---|
| 3.3.2. | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | | |
| 4. | Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ) | | | |
| 4.1. | Số cơ quan, đơn vị được thanh tra | % | 0 | |
| 4.2. | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra | % | 0 | |
| 5. | Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh giao | | | Thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh giao: Trong Quý 1/2022 trên phần mềm kiểm đếm văn bản http://vpubndtinh.namdinh.gov.vn/record/work/index Sở VHTTDL có 04 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao và đã hoàn thành trước hạn; không có nhiệm vụ nào chưa hoàn thành hay hoàn thành nhưng quá hạn. |
| 5.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 04 | |
| 5.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 04 | |
| 5.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 5.4. | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành | Nhiệm vụ | 0 | |
| 6. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | Có = 1; Không = 0 | 1 | |
| 6.1. | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 62/62 | |
| 6.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | 2 | |
| 7. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0 Có = 1 | 1 | Kế hoạch số 53/KH-SVHTTDL ngày 17/01/2022 về việc Tổ chức đối thoại trực tiếp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022. |

Biểu mẫu số 2
Cải cách thể chế

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành | Văn bản | 0 | |
| 1.1. | Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành | Văn bản | 0 | |
| 1.2. | Số VBQPPL do cấp huyện ban hành | Văn bản | | |
| 1.3. | Số VBQPPL do cấp xã ban hành | Văn bản | | |
| 2. | Kiểm tra, xử lý VBQPPL | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh | Văn bản | 0 | |
| 2.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 0 | |
| 2.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra | Văn bản | 0 | |
| 2.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| 3. | Rà soát VBQPPL | | | |
| 3.1. | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh | Văn bản | 0 | |
| 3.2. | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 0 | |
| 3.2.1. | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát | Văn bản | 0 | |
| 3.2.2. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu số 3
Cải cách thủ tục hành chính

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|---------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Thống kê TTHC | | | |
| 1.1. | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | 03 TTHC | |
| 1.2. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 0 TTHC | |
| 1.3. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 0 | |
| 1.4. | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương | Thủ tục | | |
| 1.4.1. | Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 141 | |
| 1.4.2. | Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 20 | |
| 1.4.3. | Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc) | Thủ tục | 7 | |
| 2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 2.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | | dichvucong.namdinh.gov.vn |
| 2.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 10/141 | |
| 2.3. | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục | 10/141 | |
| 3. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100% | dichvucong.namdinh.gov.vn |
| 3.1.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong | Hồ sơ | 62/62 | |
| 3.1.2. | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn | Hồ sơ | 6/62 | |
| 3.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |

| | | | | |
|--------|---|--------------|---|--|
| 3.2.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.2.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.3.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.3.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i> | <i>Hồ sơ</i> | | |
| 3.4. | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | 0 | Hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: https://pakn.dichvucong.gov.vn/ Trong Quý I/2022 Sở VH TTDL ko nhận được PAKN của tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC. |
| 3.4.1. | <i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i> | <i>PAKN</i> | 0 | |
| 3.4.2. | <i>Số PAKN đã giải quyết xong</i> | <i>PAKN</i> | 0 | |

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy | | | |
| 1.1. | Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100% | |
| 1.2. | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | | |
| 1.3. | Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh | Ban | | |
| 1.4. | Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập | Tổ chức | | |
| 1.5. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.1. | Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.2. | Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | 06 | |
| 1.5.3. | Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.5.4. | Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 46,15% | Cắt giảm 7/13 |
| 2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 55 | |
| 2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 51 | |
| 2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 01 | (Hợp đồng lao động theo Nghị định 161) |
| 2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 10% | |
| 3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 263 | |
| 3.2. | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 223 | |
| 3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 01 | |
| 3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 10% | |

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 01 | Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của Sở VH-TTDL |
| 1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | 06/06 Đơn vị đã xây dựng, trình sàng Sở Nội vụ thẩm định và chờ UBND tỉnh phê duyệt |
| 1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| 2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 0 | |
| 2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | 0 | |
| 2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | 0 | |
| 2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | 0 | |
| 3. | Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm) | Người | 0 | |
| 4. | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền). | | 0 | |
| 4.1. | Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật. | Người | 0 | |

| | | | | |
|------|---|-------|---|--|
| 4.2. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | 0 | |
| 4.3. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | 0 | |
| 4.4. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | 0 | |

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|---------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công | % | | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 7.154.000.000 | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | 3.065.638.663 | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương | Đơn vị | 06 | |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | 0 | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 0 | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | 04 | |
| 2.4.1. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 0 | |
| 2.4.2. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 0 | |
| 2.4.3. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 04/06 | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 02/06 | |
| 2.6. | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Đơn vị | 0 | |

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|--|----------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | | |
| 2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | | |
| 3. | Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | % | | |
| 4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | Đang làm | |
| 5. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 5.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| 5.1.1. | <i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i> | % | 100% | |
| 5.1.2. | <i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i> | % | | |
| 5.1.3. | <i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i> | % | | |
| 5.2. | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>) | % | 100% | |
| 5.2.1. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i> | % | 100% | |
| 5.2.2. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i> | % | | |
| 5.2.3. | <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i> | % | | |

| | | | | |
|-------------|---|---------|-------------|--|
| 5.3. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 5.3.1 | Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | 100% | Trung Tâm Phục vụ Hành chính công xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định |
| 5.3.2 | Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| 5.3.3. | Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| 6. | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 6.4. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 | % | 100% | |
| 6.4.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 4/141 | |
| 6.4.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | 4/141 | |
| 6.4.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 04 TTHC | |
| 6.5. | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 | % | 100% | |
| 6.5.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 126 TTHC | |
| 6.5.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | 126 TTHC | |
| 6.5.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến | Thủ tục | 10/141 | |
| 6.6. | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | 100% | |
| 6.6.1. | Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương | Thủ tục | 130 TTHC | |
| 6.6.2. | Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | 130 TTHC | |
| 6.7. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | % | 93% | |
| 6.7.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến) | Hồ sơ | 62 | |
| 6.7.2. | Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến | Hồ sơ | 56 | |
| 6.8. | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 100% | |

| | | | | |
|--------|---|----------------|----|--|
| 6.8.1. | <i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i> | <i>Thủ tục</i> | 60 | |
| 6.8.2. | <i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i> | <i>Thủ tục</i> | 01 | |